

LÊ THÔNG (Chủ biên)

ĐỊA LÍ CÁC TỈNH VÀ THÀNH PHỐ VIỆT NAM

TẬP MỘT

CÁC TỈNH VÀ THÀNH PHỐ
ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

LÊ THÔNG (Chủ biên)

ĐỊA LÍ
CÁC TỈNH VÀ THÀNH PHỐ
Việt Nam

Tập một

CÁC TỈNH VÀ THÀNH PHỐ
ĐÔNG BẰNG SÔNG HỒNG

(Tái bản lần thứ năm)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Chủ biên :

PGS.TS. Lê Thông

Những người tham gia :

TS. Nguyễn Văn Phú

PGS. TS. Nguyễn Minh Tuệ

PGS. TS. Lê Huỳnh

Phi Công Việt

Nguyễn Cao Phương

TS. Nguyễn Quý Thao

Phạm Tế Xuyên

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.

Lời nói đầu

Trong chương trình giảng dạy địa lí hiện nay ở bậc phổ thông và đại học, việc tìm hiểu địa lí địa phương chiếm một thời lượng nhất định.

Bộ sách địa lí các tỉnh và thành phố (tương đương cấp tỉnh) bao gồm 61 tỉnh, thành trong cả nước lần đầu tiên được biên soạn, một mặt nhằm giúp cho giáo viên và học sinh có thêm tài liệu tham khảo trong quá trình giảng dạy và học tập địa lí địa phương, và mặt khác cung cấp ít nhiều tư liệu cho những người quan tâm tới vấn đề này ở Việt Nam.

Do đối tượng sử dụng như vậy nên các tác giả cố gắng chắt lọc những kiến thức cơ bản nhất về tự nhiên, dân cư, kinh tế của từng tỉnh, thành cũng như cập nhật hóa tài liệu trong phạm vi có thể của những năm gần đây.

Bộ sách sẽ lần lượt trình bày địa lí của 61 tỉnh, thành. Song do khối lượng quá lớn nên phải chia ra làm nhiều tập, mỗi tập ứng với các tỉnh, thành của một vùng lãnh thổ. Theo một số cơ quan chức năng (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê...), nước ta được chia thành 8 vùng, bao gồm Đồng bằng sông Hồng, Đông Bắc, Tây Bắc, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, trong quá trình biên soạn, các tác giả đã điều chỉnh lãnh thổ của một số vùng cho phù hợp hơn về mặt khoa học và thực tiễn. Thí dụ, hai tỉnh mới được tái lập là Bắc Ninh và Vĩnh Phúc trong Niên giám thống kê được xếp vào vùng Đông Bắc. Trong bộ sách, hai tỉnh này được đưa vào Đồng bằng sông Hồng...

Về thứ tự các tỉnh, thành được trình bày trong mỗi phần, các tác giả xếp theo vần A, B, C ; ngoại trừ thành phố Hà Nội với tư cách thủ đô, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học – kĩ thuật của cả nước và Thành phố Hồ Chí Minh – thành phố lớn nhất của nước ta, được đề lên đầu.

Đối với mỗi tỉnh thành, về đại thể, các nội dung chính được đề cập tới bao gồm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và sự phân chia hành chính, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, dân cư, kinh tế (với một số ngành quan trọng nhất như công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ). Trên cái nền chung đó, tùy theo điều kiện cụ thể của từng tỉnh thành, có thể có sự điều chỉnh ở mức độ nhất định về cấu trúc, liên quan tới việc sắp xếp các ngành kinh tế.

Nguồn tài liệu được sử dụng để biên soạn bộ sách chủ yếu dựa vào hệ thống số liệu chính thức của Tổng cục Thống kê (các Niên giám thống kê, Tư liệu kinh tế – xã hội 61 tỉnh và thành phố...) và của một số cơ quan chức năng ở Trung ương, kết hợp với tài liệu của các tỉnh, thành.

Một trong những khó khăn lớn nhất khi biên soạn là sự không đồng bộ giữa các nguồn tài liệu. Điều đó được thể hiện không chỉ ở sự không thống nhất giữa số liệu của các cơ quan Trung ương (Tổng cục Thống kê...) với số liệu của các địa phương về cùng một đối tượng, mà còn ở ngay cả trong cùng một nguồn tài liệu. Thêm nữa, do địa bàn quá rộng, các tác giả không đủ điều kiện để đi khảo sát chi tiết các tỉnh và thành phố. Chính vì thế, sự thiếu sót là không thể tránh khỏi. Rất mong được các bạn đọc lượng thứ.

Phần một : Các tỉnh và thành phố đồng bằng sông Hồng được xuất bản vào năm 2000. Các phần tiếp theo sẽ lần lượt ra đời trong một số năm tới. Hi vọng rằng đây sẽ là tài liệu có ích trước hết cho giáo viên cũng như học sinh, và sau đó, cho những người quan tâm tới việc nghiên cứu địa lí địa phương.

Hà Nội, năm 2000
Các tác giả

* 300
N. 05
N. 90N. 90

ĐỊA LÍ HÀ NỘI

I - VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ VÀ SỰ PHÂN CHIA HÀNH CHÍNH

1. Vị trí và lãnh thổ

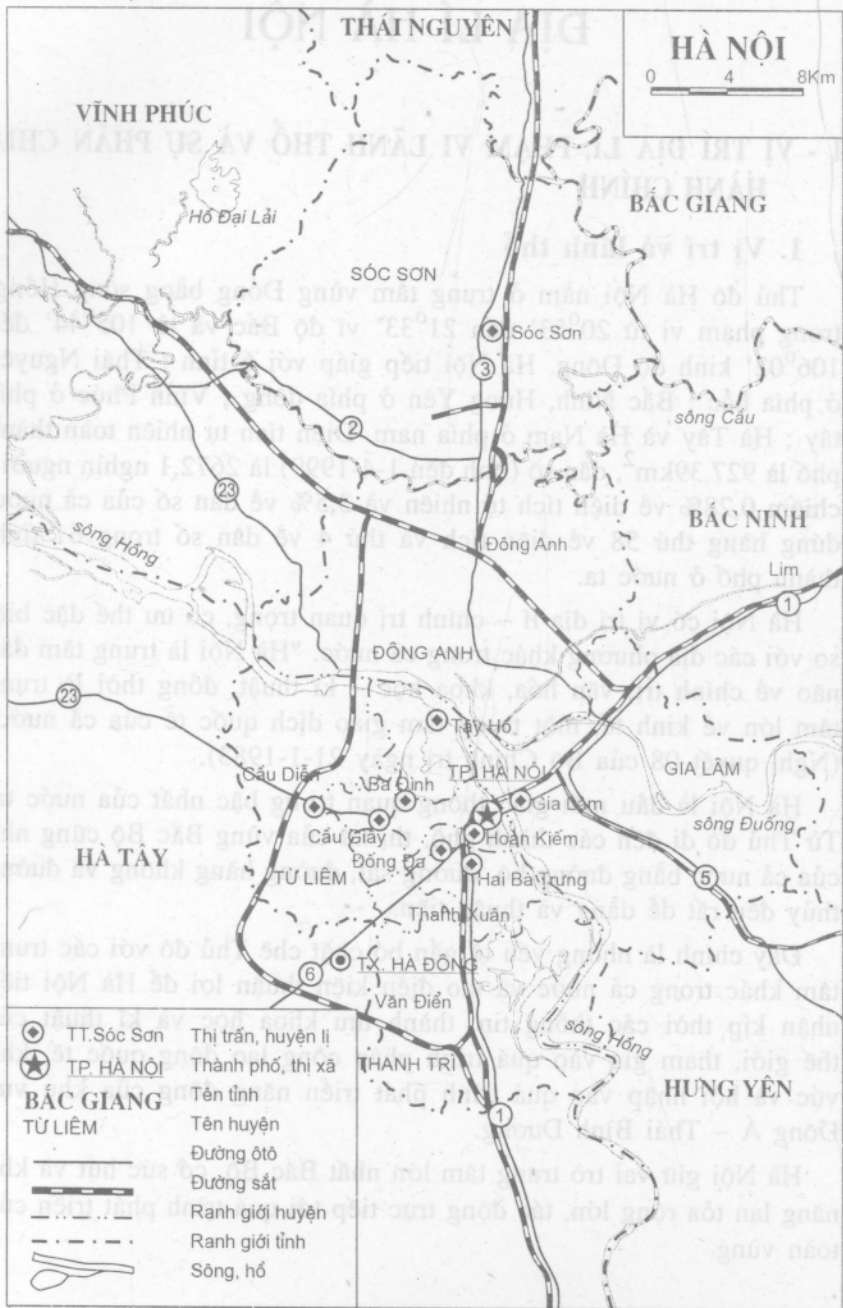
Thủ đô Hà Nội nằm ở trung tâm vùng Đồng bằng sông Hồng, trong phạm vi từ 20°53' đến 21°33' vĩ độ Bắc và từ 105°44' đến 106°02' kinh độ Đông. Hà Nội tiếp giáp với 6 tỉnh : Thái Nguyên ở phía bắc ; Bắc Ninh, Hưng Yên ở phía đông ; Vĩnh Phúc ở phía tây ; Hà Tây và Hà Nam ở phía nam. Diện tích tự nhiên toàn thành phố là 927,39km², dân số (tính đến 1-4-1999) là 2672,1 nghìn người ; chiếm 0,28% về diện tích tự nhiên và 3,5% về dân số của cả nước, đứng hàng thứ 58 về diện tích và thứ 4 về dân số trong 61 tỉnh, thành phố ở nước ta.

Hà Nội có vị trí địa lí – chính trị quan trọng, có ưu thế đặc biệt so với các địa phương khác trong cả nước. "Hà Nội là trung tâm đầu não về chính trị, văn hóa, khoa học – kĩ thuật, đồng thời là trung tâm lớn về kinh tế, một trung tâm giao dịch quốc tế của cả nước" (Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị ngày 21-1-1983).

Hà Nội là đầu mối giao thông quan trọng bậc nhất của nước ta. Từ Thủ đô đi đến các thành phố, thị xã của vùng Bắc Bộ cũng như của cả nước bằng đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường thủy đều rất dễ dàng và thuận tiện.

Đây chính là những yếu tố gắn bó chặt chẽ Thủ đô với các trung tâm khác trong cả nước và tạo điều kiện thuận lợi để Hà Nội tiếp nhận kịp thời các thông tin, thành tựu khoa học và kĩ thuật của thế giới, tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế, khu vực và hội nhập vào quá trình phát triển năng động của khu vực Đông Á – Thái Bình Dương.

Hà Nội giữ vai trò trung tâm lớn nhất Bắc Bộ, có sức hút và khả năng lan tỏa rộng lớn, tác động trực tiếp tới quá trình phát triển của toàn vùng.



2. Sự phân chia hành chính

Hà Nội hình thành từ năm 1010, khi Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư ra Đại La và được đặt tên là Thăng Long, xây dựng Hoàng Thành gọi là kinh thành (có tên là Phủ Ứng Thiên gồm 6 phường). Năm 1428 Lê Lợi đánh thắng quân Minh, lên làm Vua, đặt tên nước là Đại Việt và tên kinh thành là Đông Đô nhưng tên Thăng Long vẫn thông dụng.

Năm 1805 Vua Gia Long đổi tên thành là Thăng Long.

Năm 1831 vua Minh Mạng lập tỉnh Hà Nội gồm kinh thành Thăng Long cũ và 4 phủ. Sau này, tuy kinh đô dời vào Huế, song Hà Nội vẫn là chốn ngàn năm văn vật, có vị trí quan trọng đối với cả nước.

Năm 1888, Tổng thống Pháp ra sắc lệnh thành lập thành phố Hà Nội và xếp hạng là thành phố cấp 1. Diện tích của Hà Nội được mở rộng dần, cho đến năm 1942, thành phố có diện tích là 130km².

Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công, Hà Nội trở thành thủ đô của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, gồm 5 khu phố nội thành (Lăng Bạc, Đống Đa, Mè Linh, Đại La, Đê Thám) và 120 xã ngoại thành.

Năm 1954, Hà Nội gồm 4 quận nội thành, 4 huyện ngoại thành (gồm 46 xã), diện tích tự nhiên là 152km².

Sau giải phóng, do tốc độ phát triển kinh tế – xã hội nhanh, không gian thành phố được mở rộng nhanh chóng. Đến năm 1960 – ranh giới Hà Nội được mở rộng với diện tích 586,13km² ; bao gồm 4 khu phố nội thành (Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng) và 4 huyện ngoại thành (Gia Lâm, Đông Anh, Thanh Trì, Từ Liêm).

Năm 1978 Hà Nội lại được mở rộng lần thứ hai, diện tích tự nhiên lên tới 2123km² ; bao gồm thêm các huyện Sóc Sơn, Mè Linh, Ba Vì, Phúc Thọ, Thạch Thất, Đan Phượng, Hoài Đức và thị xã Sơn Tây.

Tháng 8 năm 1991, theo quyết định của Quốc hội, ranh giới mới của Hà Nội còn lại 913,8km², bao gồm 4 quận nội thành và 5 huyện ngoại thành (Gia Lâm, Đông Anh, Từ Liêm, Thanh Trì và Sóc Sơn).

Thành phố Hà Nội ngày nay là 1 trong 4 thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm 7 quận nội thành (Ba Đình, Tây Hồ, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa, Thanh Xuân và Cầu Giấy) gồm 102 phường với diện tích 82,4km² và 5 huyện ngoại thành (Sóc Sơn, Đông Anh, Gia Lâm, Từ Liêm, Thanh Trì) gồm 118 xã, 8 thị trấn với diện tích 844,9km².

II - ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

1. Địa hình

Phần lớn diện tích của Hà Nội là vùng đồng bằng, độ cao trung bình từ 5 - 20m so với mực nước biển, thấp dần từ tây bắc xuống đông nam theo hướng chung của địa hình và cũng là theo hướng của dòng chảy sông Hồng. Vùng đồng bằng - địa hình đặc trưng của Hà Nội, đã được con người khai thác và sử dụng từ lâu. Trên lớp bồi tích phù sa dầy (trung bình là 90 - 120m), dân cư đông đúc, với nền văn minh lúa nước, trồng rau, màu, chăn nuôi gia súc...

Phía bắc Hà Nội là vùng đồi núi thấp và trung bình, có dãy Sóc Sơn với đỉnh cao nhất là Chân Chim - 462m.

Vùng đồi núi của Hà Nội thích hợp với việc phát triển chăn nuôi, tổ chức nhiều loại hình du lịch.

2. Khí hậu

Nằm ở trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, khí hậu Hà Nội mang sắc thái đặc trưng của khí hậu toàn vùng với đặc điểm nhiệt đới ẩm, gió mùa.

Hà Nội có nền nhiệt độ khá đồng đều và cũng khá cao. Nhiệt độ trung bình năm đạt 23 - 24°C. Tổng nhiệt độ hằng năm là 8500 - 8700°C. Hà Nội còn có độ ẩm và lượng mưa khá lớn. Độ ẩm tương đối trung bình hằng năm của Hà Nội là 84% và cũng ít thay đổi theo các tháng, thường chỉ dao động trong khoảng 81 - 86%. Lượng mưa trung bình năm khoảng 1600 - 1800mm, mỗi năm có khoảng 140 ngày mưa.

Khí hậu Hà Nội có sự thay đổi và khác biệt giữa hai mùa trong năm : mùa hạ và mùa đông.

Mùa hạ, từ tháng V đến tháng X, có đặc điểm là nóng và mưa nhiều, với gió thịnh hành hướng đông nam.

Vào mùa này, nhiệt độ trung bình tháng cao nhất là tháng VII, xấp xỉ 29°C. Mưa nhiều, chiếm tới 85% lượng mưa toàn năm. Mưa lớn nhất vào tháng VIII, với 16 – 18 ngày mưa, lượng mưa trung bình 300 – 350mm. Mùa đông, từ tháng XI đến tháng IV có đặc điểm là tương đối lạnh và ít mưa với gió thịnh hành là Đông Bắc. Tháng có nhiệt độ trung bình thấp nhất là tháng I (16°C), đồng thời cũng là tháng có lượng mưa trung bình thấp nhất (16 – 18mm).

Một số yếu tố khí hậu cơ bản của Hà Nội

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	TB năm
Các yếu tố													
- Nhiệt độ không khí trung bình (°C)	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2	23,5
- Độ ẩm tương đối (%)	83	85	87	87	84	83	84	86	85	82	81	81	84
- Lượng mưa (mm)	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	239,9	288,2	318,0	265,4	130,7	43,4	23,4	1676,2

3. Thủy văn

Màng lưới sông ngòi trên địa bàn thành phố Hà Nội khá dày đặc, khoảng 0,5 – 1km/km², thuộc 2 hệ thống sông chính : sông Hồng và sông Thái Bình. Độ dốc của sông nhỏ, các dòng uốn khúc quanh co.

Hệ thống sông Hồng, đoạn chảy qua Hà Nội dài khoảng 93km, lưu lượng dòng chảy bình quân năm khi qua thành phố là 90km³ ; gồm có sông Nhuệ, sông Đáy, sông Tích ở phía hữu ngạn, sông Đuống ở phía tả ngạn.

Hệ thống sông Thái Bình thuộc phía đông bắc Hà Nội, gồm có sông Công, sông Cà Lài, sông Cà Lô, sông Cầu.

Ngoài ra, trên địa phận thành phố còn có các hệ thống sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu, sông Lừ, sông Sét, chủ yếu làm nhiệm vụ tiêu nước.

Chế độ nước sông của Hà Nội chia làm 2 mùa rõ rệt. Mùa lũ, cũng là mùa mưa, kéo dài 5 tháng – từ tháng VI đến tháng X, tập trung 70 – 75% tổng lượng nước cả năm. Cao điểm của mùa lũ